

1. MÔN TOÁN 6 – TUẦN 4

CHƯƠNG II: TÍNH CHẤT CHIA HẾT TRONG

TẬP HỢP CÁC SỐ TỰ NHIÊN

TIẾT 13 + 14 - §8: QUAN HỆ CHIA HẾT VÀ TÍNH CHẤT

1. Quan hệ chia hết

Cho hai số tự nhiên a và b ($b \neq 0$).

+ Nếu có $k \in \mathbb{N} : a = k.b$, ta nói a chia hết cho b và kí hiệu là $a : b$

+ Nếu a không chia hết cho b ta kí hiệu $a \not\vdots b$.

VD: $15 = 3 \cdot 5 \Rightarrow 15 : 3$; $16 : 3 = 5 \text{ dư } 1 \Rightarrow 16 \not\vdots 3$

Ví dụ 1:

Việt có số kẹo là 12. 35. Vì $35 : 5$ nên $(12.35) : 5$, do đó Việt có thể chia đều số kẹo cho mỗi tổ.

*** Ước và bội:**

- Nếu a chia hết cho b , ta nói b là **ước** của a và a là **bội** của b .

Ta kí hiệu $U(a)$ là tập hợp các ước của a và $B(b)$ là tập hợp các bội của b .

VD: $15 : 3 \Rightarrow 3$ là **ước** của 15 và 15 là **bội** của 3.

*** Cách tìm ước và bội:**

+ $U(12) = \{ 1; 2; 3; 4; 6; 12 \}$

+ $B(8) = \{ 8; 16; 24; 32; 40; 48; 56; 64; 72, \dots \}$

- Muốn tìm các ước của a ($a > 1$), ta lần lượt chia a cho các số tự nhiên từ 1 đến a để xem a chia hết cho những số nào thì các số đó là ước của a .

- Ta có thể tìm các bội của một số khác 0 bằng cách nhân lần lượt số đó với 0; 1; 2; 3; ..

Ví dụ 2:

a) Ta thấy 15 chia hết cho 1; 3; 5; 15 nên $U(15) = \{ 1; 3; 5; 15 \}$

b) Các bội của 6 nhỏ hơn 30 là: 0; 6; 12; 18; 24.

Luyện tập 1

a) $U(20) = \{ 1; 2; 4; 5; 10; 20 \}$

b) Các bội nhỏ hơn 50 của 4 là:

4; 8; 12; 16; 20; 24; 28; 32; 36; 40; 44; 48.

Thử thách nhỏ:

Ba số là 2; 4; 6.

2. Tính chất chia hết của một tổng.

*** Trường hợp chia hết:**

- Nếu tất cả các số hạng của một tổng đều chia hết cho cùng một số thì tổng chia hết cho số đó.

• Nếu $a : m$ và $b : m$ thì $(a+b) : m$

• Nếu $a : m$ và $b : m$ và $c : m$ thì $(a + b + c) : m$

Chú ý: Tính chất 1 cũng đúng với một hiệu chẳng hạn $30 : 3$ và $18 : 3 \Rightarrow (30 - 18) : 3$

Ví dụ 3:

Vì $6 : 3$, $15 : 3$ và $30 : 3$ nên $(6 + 15 + 30) : 3$

Luyện tập 2:

a) Vì $24 : 4$ và $48 : 4 \Rightarrow (24 + 48) : 4$

b) Vì: $48 : 6$; $12 : 6$ và $36 : 6 \Rightarrow (48 + 12 - 36) : 6$

Vận dụng 1:

Vì $21 : 7$ nên để $(21 + x) : 7$ thì $x : 7$. Do đó $x \in \{ 14; 28 \}$

*** Trường hợp không chia hết:**

NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 6 - TUẦN 4

Nếu có một số hạng của một tổng không chia hết cho một số đã cho, các số hạng còn lại đều chia hết cho số đó thì tổng không chia hết cho số đã cho.

- Nếu $a : m$ và $b \not\vdots m$ thì $(a + b) \not\vdots m$.
- Nếu $a : m$, $b : m$ và $c \not\vdots m$ thì $(a + b + c) \not\vdots m$.

Chú ý: Tính chất 2 cũng đúng với một hiệu, chẳng hạn:

$$45 : 5 \text{ và } 7 \not\vdots 5 \Rightarrow (45 - 7) \not\vdots 5$$

$$15 \not\vdots 4 \text{ và } 8 : 4 \Rightarrow (15 - 8) \not\vdots 4$$

Ví dụ 4:

$$\text{Vì } 5 : 5; 45 : 5 \text{ và } 2019 \not\vdots 5 \Rightarrow (5 + 45 + 2019) \not\vdots 5$$

Ví dụ 5:

Vì số bút trong các hộp bút bằng nhau nên tổng số bút trong 4 hộp là một số chia hết cho 4. Vì 50 không chia hết cho 4 nên tổng số bút lớp 6A được thưởng không chia đều được cho 4 tổ.

Luyện tập 3:

a) Vì $20 : 5$ và $81 \not\vdots 5 \Rightarrow (20 + 81) \not\vdots 5$

b) Vì $34 \not\vdots 4$; $28 : 4$ và $12 : 4 \Rightarrow (34 + 28 - 12) \not\vdots 4$

Vận dụng 3:

Vì $20 : 5$; $45 : 5$ nên để $20 + 45 + x$ không chia hết cho 5 thì $x \not\vdots 5$. Do đó $x \in \{39; 54\}$.

Bài 2.2 : 16 ; 24 là bội của 4.

Bài 2.3 : $x, y \in \mathbf{N}$

a) $x \in B(7)$ và $x < 70 \Rightarrow x \in \{7; 14; 21; 28; 35; 42; 49; 56; 63\}$

b) $y \in U(50)$ và $y > 5 \Rightarrow y \in \{10; 25\}$

Bài 2.5 :

a) Vì $100 \not\vdots 8$ và $40 : 8 \Rightarrow (100 - 40) \not\vdots 8$

b) Vì $80 : 8$ và $16 : 8 \Rightarrow (80 - 16) : 8$

Bài 2.6 :

a) Vì $219 : 7 : 7$ và $8 \not\vdots 7 \Rightarrow$ Khẳng định $219 : 7 + 8$ chia hết cho 7 là **sai**.

b) Vì $8 : 3$; $12 : 3$ và $9 : 3 \Rightarrow$ Khẳng định $8 : 3 + 9$ chia hết cho 3 **đúng**.

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ôn lại nội dung kiến thức đã học.
- Hoàn thành nốt các bài tập còn thiếu trên lớp.
- Chuẩn bị bài mới “**Dấu hiệu chia hết**”

..... TIẾT 15 + 16 - §9: DẤU HIỆU CHIA HẾT

1. Dấu hiệu chia hết cho 2, cho 5

+ Các số có chữ số tận cùng là 0, 2, 4, 6, 8 thì **chia hết cho 2** và chỉ những số đó mới chia hết cho 2.

+ Các số có tận cùng là 0 hoặc 5 thì **chia hết cho 5** và chỉ những số đó mới chia hết cho 5.

Ví dụ 1: SGK - tr 34

Ví dụ 2:

a) $1985 + 2020$

1985 có tận cùng là 5 $\Rightarrow 1985 \not\vdots 2$

2020 có tận cùng là 0 nên chia hết cho 2.

Vậy tổng $1985 + 2020$ không chia hết cho 2.

b) $1968 - 1930$

+ 1968 có tận cùng là 8 nên $1968 : 2$.

+ 1930 có tận cùng là 0 nên $1930 : 2$.

Vậy $1968 - 1930 : 2$.

Luyện tập 1:

1.

a) $1954 + 1975$

+ 1954 có tận cùng là $4 \Rightarrow 1954 : 2$.

+ 1975 có tận cùng là $5 \Rightarrow 1975 \not\vdots 2$.

b) $2020 - 938$

+ 2020 có tận cùng là $0 \Rightarrow 2020 : 2$

+ 938 có tận cùng là $8 \Rightarrow 938 : 2$

Vậy tổng $2020 - 938 : 2$.

2.

a) $1945 + 2020$

+ 1945 có tận cùng là $5 \Rightarrow 1945 : 5$

+ 2020 có tận cùng là $0 \Rightarrow 2020 : 5$

Vậy $1945 + 2020 : 5$.

b) $1954 - 1930$

+ 1954 có tận cùng là $4 \Rightarrow 1954 \not\vdots 5$

+ 1930 có tận cùng là $0 \Rightarrow 1930 : 5$

Vậy $1954 - 1930 \not\vdots 2$.

2. Dấu hiệu chia hết cho 9, cho 3

a. Dấu hiệu chia hết cho 9

Các số có tổng các chữ số chia hết cho 9 thì **chia hết cho 9** và chỉ những số đó mới chia hết cho 9.

VD: $12492 : 9$

(vì $1 + 2 + 4 + 9 + 2 = 18 : 9$)

Luyện tập 2:

* là 6 vì $1 + 2 + 6 = 9 : 9 \Rightarrow 126 : 9$

Vận dụng:

Có $1 + 0 + 8 = 9 : 9$

Bác nông dân trồng được số cây dứa là: $108 : 9 + 1 = 13$ (cây)

b. Dấu hiệu chia hết cho 3

Các số có tổng các chữ số **chia hết cho 3** thì chia hết cho 3 và chỉ những số đó mới chia hết cho 3.

VD: $12345 : 3$

(vì $1 + 2 + 3 + 4 + 5 = 15 : 3$)

Luyện tập 3:

* là 1; 4 hoặc 7. Vì:

$1 + 2 + 1 + 5 = 9 : 3 \Rightarrow 1215 : 3$

$1 + 2 + 4 + 5 = 12 : 3 \Rightarrow 1245 : 3$

$1 + 2 + 7 + 5 = 15 : 3 \Rightarrow 1275 : 3$

Bài 2.10 :

+ Các số chia hết cho 2 là : 324 ; 248 ; 2020 (vì các số đó có tận cùng là các số chẵn.)

+ Các số chia hết cho 5 là : 2020 và 2025 (vì các số đó có tận cùng là 0 và 5)

Bài 2.11 :

+ Các số chia hết cho 3 là : 450 ; 123 ; 2019 và 2025 (vì các số đó có tổng các chữ số chia hết cho 3).

+ Các số chia hết cho 9 là : 450 ; 2025 (vì 2 số đó có tổng các chữ số chia hết cho 9).

Bài 2.14 :

- a) $* \in \{ 0 ; 2 ; 4 ; 6 ; 8 \}$
- b) $* \in \{ 0 ; 3 ; 6 ; 9 \}$
- c) $* \in \{ 0 ; 5 \}$
- d) $* \in \{ 6 \}$

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ghi nhớ và ôn lại Các dấu hiệu chia hết cho 2; 3; 5; 9.
- Đọc hiểu thêm mục “**Em có biết?**” cuối bài (SGK –tr37)
- Hoàn thành nốt các bài tập còn thiếu trên lớp và làm thêm **Bài 2.15; 2.16**
- Chuẩn bị bài mới “**Số nguyên tố**”.

.....

Hình học – Tuần 4, 5, 6

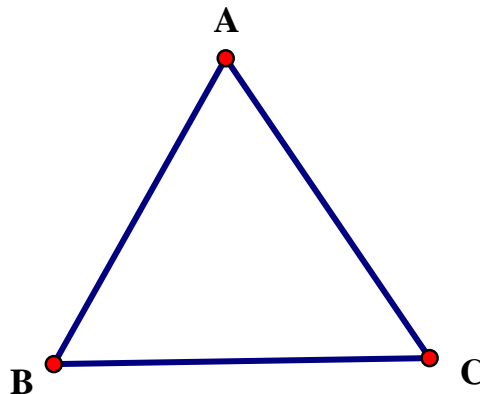
**CHƯƠNG IV: MỘT SỐ HÌNH PHẪNG TRONG THỰC TIỄN
TIẾT 40 +41 + 42 - §18: HÌNH TAM GIÁC ĐỀU. HÌNH VUÔNG. HÌNH LỤC GIÁC ĐỀU.**

1. Hình tam giác đều

+ HD1:

- Hình b) là hình tam giác đều.
- Một số hình ảnh tam giác đều trong thực tế: biển báo nguy hiểm, khay tam giác xếp bóng bi-a; Rubic tam giác...

+ HD2:



- Các đỉnh: A, B, C ;
Các cạnh: AB, BC, CA; Các góc: , ,
- Các cạnh của tam giác ABC bằng nhau.
- Các góc của tam giác ABC bằng nhau và bằng 60° .

*** Nhận xét:** Trong tam giác đều:

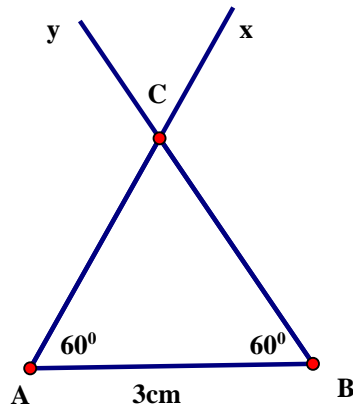
- Ba cạnh bằng nhau.
- Ba góc bằng nhau và bằng 60° .

Thực hành 1:

1. *Vẽ tam giác đều ABC cạnh 3cm:*

- + Bước 1: Vẽ đoạn thẳng $AB = 3\text{cm}$.
- + Bước 2: Dùng ê ke có góc $\angle xAB = 60^\circ$.
- + Bước 3: Vẽ $\angle ABy = 60^\circ$.

Ta thấy Ax và By cắt nhau tại C \Rightarrow Ta được **tam giác đều ABC**.

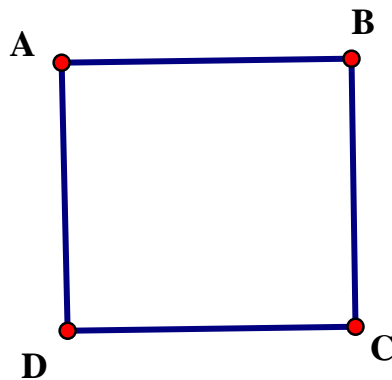


2. Hình vuông

+ HD3:

Một số hình ảnh của hình vuông trong thực tế: bánh chưng, gạch lát nền, bánh sinh nhật, khối rubic vuông, ngăn đựng sách, các ô cửa, xúc xắc, ô trên bàn cờ vua, đồng hồ,...

+ HD4:



1. Các đỉnh: A, B, C, D

Các cạnh: AB, BC, CD, DA.

Các đường chéo: AC, BD.

2. Độ dài các cạnh hình vuông đều bằng nhau.

Độ dài hai đường chéo của hình vuông bằng nhau.

3. Các góc của hình vuông đều bằng nhau và bằng 90° .

* **Nhận xét:** Trong hình vuông:

- Bốn cạnh bằng nhau
- Bốn góc bằng nhau và bằng 90° .
- Hai đường chéo bằng nhau.

* **Thực hành 2:**

1. Vẽ hình vuông ABCD cạnh 4cm:

+ Bước 1: Vẽ đoạn thẳng $AB = 4\text{cm}$.

+ Bước 2: Vẽ đường thẳng vuông góc với AB tại A. Xác định điểm D trên đường thẳng đó sao cho $AD = 4\text{cm}$.

+ Bước 3: Vẽ đường thẳng vuông góc với AB tại B. Xác định điểm C trên đường thẳng đó sao cho $BC = 4\text{cm}$.

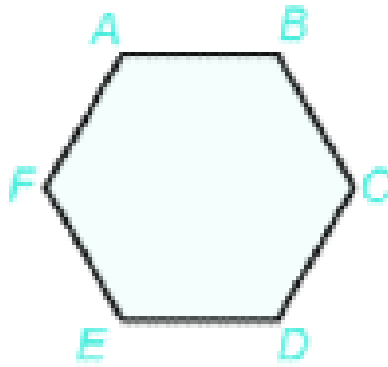
+ Bước 4: Nối C với D ta được hình vuông ABCD.

=> Ta được **hình vuông ABCD**.

(HS tự hoàn thành sản phẩm vào vở)

3. Hình lục giác đều

+ HD5:



- Các đỉnh: A, B, C, D, E, F
- Các cạnh: AB, BC, CD, DE, EF, FA.

Các góc , , , , , .

- Các cạnh của hình bằng nhau
- Các góc của hình bằng nhau và bằng 120° .

+ HD6:

- Các đường chéo của hình: AD, BE, CF.
- Độ dài các đường chéo của hình bằng nhau.

* **Nhận xét:** Hình lục giác đều có:

- Sáu cạnh bằng nhau.
- Sáu góc bằng nhau, mỗi góc bằng 120° .
- Ba đường chéo chính bằng nhau.

Luyện tập:

- + Các tam giác đều ghép thành hình lục giác đều là: tam giác ABO, tam giác BCO, tam giác CDO, tam giác DEO, tam giác EFO, tam giác FAO.
- + Trong hình còn có các tam giác đều: ACE, BDF.

Bài 4.2 :

Vẽ tam giác đều ABC cạnh 2cm:

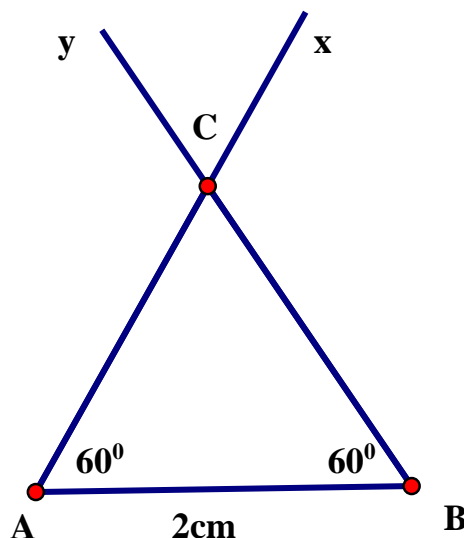
+ Bước 1: Vẽ đoạn thẳng AB = 2cm.

+ Bước 2: Dùng ê ke có góc $\angle xAB = 60^\circ$.

+ Bước 3: Vẽ $\angle ABy = 60^\circ$.

Ta thấy Ax và By cắt nhau tại C

=> Ta được **tam giác đều ABC** cạnh 2cm.



Bài 4.3:

Vẽ hình vuông ABCD cạnh 5cm:

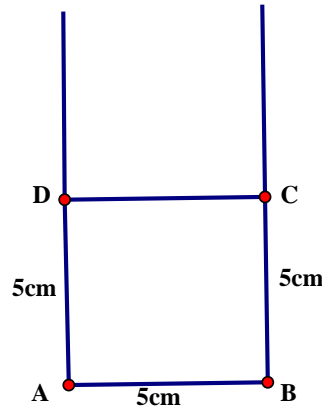
+ Bước 1: Vẽ đoạn thẳng AB = 5cm.

+ Bước 2: Vẽ đường thẳng vuông góc với AB tại A. Xác định điểm D trên đường thẳng đó sao cho AD = 5cm.

+ Bước 3: Vẽ đường thẳng vuông góc với AB tại B. Xác định điểm C trên đường thẳng đó sao cho BC = 5cm.

+ Bước 4: Nối C với D ta được hình vuông ABCD.

=> Ta được **hình vuông ABCD** cạnh 5cm.



*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Luyện vẽ tam giác đều, hình vuông, lục giác đều.

- Hoàn thành bài tập: **4.5** vào giấy A₄ và nộp vào buổi học sau.

- Luyện cắt tam giác đều theo hướng dẫn của **Bài 4.7** (SGK-tr82).

- Tìm hiểu và đọc trước “**Bài 19: Hình chữ nhật. Hình thoi. Hình bình hành. Hình thang cân**”. và sưu tầm đồ vật, tranh ảnh về hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân theo tổ. (Tổ nào sưu tầm được nhiều đồ vật, tranh ảnh nhất sẽ được phần thưởng của GV).

2. MÔN NGỮ VĂN 6 – TUẦN 4

VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM CỦA EM (tiếp theo)

II. Các bước tiến hành

1. Trước khi viết

*Đề: Viết bài văn kể lại trải nghiệm đáng nhớ của em

- Lựa chọn đề tài

- Tìm ý

- Lập dàn ý

***Chú ý:** Sau đây là dàn ý chi tiết để tham khảo (một trải nghiệm của em với bố). Các em nên lập dàn ý và viết bài văn trải nghiệm của chính bản thân mình vào vở **Làm văn**.

a. Mở bài:

+ Ta thường nghe câu: “Đi khắp thế gian không ai tốt bằng mẹ, gánh nặng cuộc đời không ai khổ bằng cha”.

+ Chúng ta thường hay kể về mẹ bằng những lời yêu thương nhất, nhưng đừng quên rằng bố cũng là người âm thầm hy sinh cho ta rất nhiều.

+ Em vẫn luôn nhớ mãi kỉ niệm em và bố cùng đèo nhau về nhà trong một cơn mưa tầm tã, đó là lần em cảm nhận sâu sắc tình thương của bố dành cho em.

b. Thân bài:

- *Hoàn cảnh xảy ra sự việc*

NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 6 - TUẦN 4

+ Lúc đó em chỉ là một cô bé lớp 6 vừa bước vào ngôi trường mới, vì thế vào mỗi buổi chiều tan học thì bố lại tới đón em về nhà.

+ Nhưng chiều hôm ấy lại là một buổi chiều mưa tầm tã, gió lớn, tưởng chừng như sắp có bão vậy.

- *Diễn biến câu chuyện*

+ Ở trong lớp học, em chỉ mong chờ nghe tiếng chuông reo để nhanh chóng ra về vì em biết bố đang đợi em dưới mưa to.

+ Vì sân trường lúc ấy ngập nước, em lại chạy nhanh nên không cẩn thận vấp ngã, đành phải tập tễnh bước đi.

+ Ra tới cổng trường, mọi người đông tấp nập, lúc em đang ngơ ngác tìm bố thì đã nghe văng vẳng bên tai tiếng của bố.

+ Hai bố con thế là cùng bon bon chạy về nhà trên chiếc xe cũ. Thật không may, do chiếc xe đã bị ngập nước mưa quá nhiều nên đã chết máy và dừng lại khi mới đi được một đoạn đường.

+ Em muốn đi bộ và cùng nhau đẩy xe về với bố, nhưng bố không đồng ý, bố bảo em cứ ngồi yên trên xe, bố lo em bị đau chân.

+ Trời cứ mưa như trút nước, gió vẫn thổi mạnh, ngồi trên xe nhìn tám lưng bố từ phía sau, em cảm thấy bố thật vĩ đại, em xúc động và thương bố vô cùng.

- *Kết quả sau đó*

+ Cả hai bố con về đến nhà là lúc chập chững tối. Em thấy mẹ đã đứng chờ ngay trước cửa với khuôn mặt lo lắng.

+ Bố mặc dù đã thấm mệt những vẫn ân cần an ủi mẹ rằng đã đưa em về nhà an toàn.

+ Sau đó, cả nhà cùng quây quần bên bữa cơm tối. Ngoài kia dù có mưa gió lớn đến mức nào thì không khí trong nhà vẫn ấm cúng, bình yên.

+ Lòng em vẫn cảm thấy bồi hồi, xúc động khi nghĩ về kỉ niệm hôm nay với bố.

c. **Kết bài:**

- *Nêu cảm nghĩ của bản thân:*

+ Câu chuyện ấy vẫn để lại cho em một ấn tượng sâu sắc, mỗi khi trời đổ cơn mưa, em lại nhớ về ngày hôm đó

+ Em cảm thấy thật may mắn khi được sinh ra trong một gia đình hạnh phúc, có bố mẹ yêu thương

- *Lời khuyên dành cho mọi người*

+ Bố là người gánh vác gia đình, là người có thể che chở cho ta trước mọi giông bão cuộc đời.

+ Ai còn có bố thì hãy biết yêu thương và hiếu thảo với bố như cách mà chúng ta yêu mẹ của mình vậy.

2. **Viết bài, chỉnh sửa bài viết:**

- Dựa vào dàn ý viết thành một bài văn hoàn chỉnh.

- Cần đảm bảo đặc điểm của kiểu bài kể lại một trải nghiệm (tức là sự việc đó mình là người trong cuộc hoặc là người chứng kiến).

NÓI VÀ NGHE (Tr 32)

KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM CỦA EM

A. KỂ VỀ MỘT TRẢI NGHIỆM

1. Trước khi nói

a. Chuẩn bị nội dung nói ở nhà (nên soạn trước vào vở Làm văn)

b. Tập luyện

2. Trình bày bài nói trước lớp

NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 6 - TUẦN 4

- Tự tin, thoải mái. Chú ý chào hỏi khi bắt đầu và cảm ơn khi kết thúc bài nói
- Xung hô thống nhất, tập trung vào diễn biến câu chuyện
- Điều chỉnh giọng nói và tốc độ nói cho phù hợp

3. Sau khi nói

- Giáo viên sẽ nhận xét, đánh giá và điểm về bài nói của các em

B. CÙNG CỐ, MỞ RỘNG

I. BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM (GV hướng dẫn HS trả lời vấn đáp)

II. BÀI TẬP TỰ LUẬN (Nói, học sinh soạn và chuẩn bị nội dung này để trả lời các câu hỏi bên dưới)

Bài 1. SGK Tr 34: Giới thiệu truyện đồng thoại mà em yêu thích và thực hiện các yêu cầu sau:

- + Xác định người kể chuyện
- + Chỉ ra một số đặc điểm giúp em nhận biết được tác phẩm đó là truyện đồng thoại theo sơ đồ sau:
- + Chọn một nhân vật yêu thích. Liệt kê một số chi tiết tiêu biểu được tác giả miêu tả hoặc khắc họa nhân vật đó

Bài 2. SGK Tr 34

Bài tham khảo:

Năm em học lớp 5, có một bạn học sinh mới chuyển đến lớp em tên là Nam. Vì em là người học cũng khá ôn nên cô chủ nhiệm đã xếp Nam ngồi cùng với em. Thật lòng em không thích bạn cho lắm vì người bạn lúc nào cũng có mùi hôi, quần áo thì bẩn thỉu, thậm chí móng tay của bạn toàn đất là đất. Em đã kể cho mẹ nghe và muốn mẹ nói với cô chủ nhiệm chuyển bạn ấy đi bàn khác. Ngay sáng hôm sau đến lớp thì em rất vui mừng vì không còn phải ngồi với với bạn ấy nữa. Bẵng đi một hai tuần, lúc đó cũng gần tết âm lịch, trời rất lạnh lại mưa lâm thâm nên cảm giác như cắt da cắt thịt, em được mẹ chở đi mua quần áo mới để đón tết. Vừa lúc đi đến chỗ đèn xanh đèn đỏ, em nhìn thấy một bóng dáng khá quen thuộc đang gồng mình phụ đẩy xe rác với một bác cũng lớn tuổi. Em nhìn kỹ hơn thì thấy đó là bạn Nam, người bạn mới chuyển đến lớp em cách đây mấy tuần, có lẽ bạn đang giúp mẹ đi thu gom rác. Do mãi nhìn bạn nên em đánh rơi túi đồ xuống đường, thấy vậy Nam vội chạy lại nhặt giúp em với nét mặt rất rạng rỡ làm em cảm thấy ngượng ngùng. Trên đường đi về nhà, em cứ suy nghĩ mãi về người bạn này. Em cũng tự trách mình rất nhiều khi đã có thái độ coi thường và đánh giá người khác qua vẻ bên ngoài. Ngày hôm sau lên lớp, em đã xin lỗi bạn, từ đó em và Nam đã thành đôi bạn tri kỉ của nhau.

C. THỰC HÀNH ĐỌC: Bài “Những người bạn” Tr 34

1. Người kể chuyện, ngôi kể và nhân vật trong truyện đồng thoại:

- Người kể chuyện: ngôi thứ nhất (chú chó Bê-tô xưng “tôi”)
- Nhân vật: Bê-tô, Lai-ca, Bi-nô

2. Lời đối thoại, cử chỉ, hành động của hai nhân vật Lai-ca và Bi-nô.

Lai-ca	Bi-nô
Nghịch ngợm, sôi nổi: Nhai giày dép, nhai xà phòng, nhảy chồm chồm trong giờ ăn.	Điềm tĩnh, nhẹ nhàng, hành động thông thái: Nhìn thấy nắng sau những cơn mưa, nghe mưa rơi xuống mái tôn, được sợ hãi, được cọ mình vào tấm chăn Bi-nô gợi những điều quen thuộc.

3. Cảm nhận, suy nghĩ của nhân vật “tôi” (Bê-tô) về hai người bạn.

Lai-ca	Bi-nô
Một người bạn thú vị	Một người bạn thông thái
+ Khoảng cách không thể ngăn cản tình bạn. Kể cả khi hình ảnh người bạn trong mắt không còn như cũ cũng không phải lí do để không yêu.	+ Đem lại cách nhìn đời mới mẻ, học được nhiều điều từ Bi-nô. + Cảm thấy không còn xa lạ với Bi-nô, nhớ về những điều thân thuộc, tự nhiên.

4. Thông điệp về tình bạn mà em nhận được từ văn bản.

- Mỗi người bạn trong cuộc đời sẽ đem lại những trải nghiệm khác nhau.
- Tình bạn không phân biệt bởi sự khác nhau về ngoại hình, hành động hay khoảng cách. Tình bạn được tạo nên từ những kỉ niệm, thời gian cạnh nhau./.

3. MÔN ANH 6 – TUẦN 4
UNIT 2: MY HOUSE

C. A CLOSER LOOK 2 Possessive case & Prepositions of place

I. Grammar focus 1: The possessive case

- We use “s” to show possession.
- name’s + noun = Polly’s sock.
- singular noun’s + noun = teacher’s book.

** Practice:*

1. Choose the correct answer.

1. grandmother’s 2. sister’s 3. cousin’s 4. Nam’s 5. An’s

2. Complete the sentences with the correct possessive forms.

1. Mi’s 2. teacher’s 3. Nick’s 4. father’s 5. brother’s

II. Grammar focus 2: Prepositions of place

on, in, at, under,

→ We use prepositions of place to describe where people or things are.

** Practice:*

3. Write the correct preposition in the box under each picture.

1. on 2. next to 3. behind 4. In 5. in front of 6. between 7. under

1. The dog is on the chair.
2. The dog is next to the armchair.
3. The cat is behind the TV.
4. The cat is in the wardrobe.
5. The dog is in front of the kennel / doghouse.
6. The cat is between the lamp and the armchair.
7. The cat is under the table.

4. Decide True or False statements.

1. T
2. F (The school bag is under the table.)
3. F (The clock is between the two pictures.)
4. T
5. F (The cap is on the pillow.)

5. Game: Memory challenge

- Example:* A: Where are the books?
 B: They’re on the table.

D. COMMUNICATION

I. Everyday English: Giving suggestions

➤ **Structure:** How about + V-ing?

Let's + V.

1. Listen and read the dialogue.

2. Make similar dialogues.

A: I am so bored.

B: How about going to the cinema this weekend?

A: Great idea!

II. Living places

3. Look at the picture and complete the sentences.

1. country 2. are 3. is 4. chairs 5. on

4. Find the differences between the two houses.

Example:

A: Where does Mi Live?

B: She lives in a town house.

5. Draw a simple picture of your house.

E. SKILLS 1

I. READING

*** Reading skills: Predicting**

- Predicting makes reading easy.
- Before reading, look at the pictures, design and title.
- Decide what the text is about.
- Think about what you know about the topic.

1. Look at the text. Answer the questions.

1. It's an email.
2. The text is about Nick's room at the Crazy House Hotel.

2. Read the text and answer the questions.

1. He's in Da Lat with his parents.
2. There are ten rooms.
3. Because there's a big tiger on the wall.
4. It's under the bed.

3. Circle the things in the Tiger Room.

a window a lamp a wardrobe a desk

II. SPEAKING

4. Create a new room for the hotel. Draw a plan for the room.

- Name of the room
- Reason for the name
- Position of things in the room

5. Describe your plan.

*** HOMEWORK**

- Learn Vocabulary & Grammar by heart.
- Do the exercises in your Workbook.
- Prepare the next lesson.

4. MÔN VẬT LÝ 6 – TUẦN 4
BÀI 5: ĐO KHỐI LƯỢNG(TT)

I. Kiến thức cơ bản

2. Các bước đo khối lượng

Các bước đo khối lượng:

Bước 1. Ước lượng khối lượng vật cần đo.

Bước 2. Chọn cân có GHĐ và ĐCNN phù hợp.

Bước 3. Hiệu chỉnh cân đúng cách trước khi đo.

Bước 4. Đặt vật lên cân hoặc treo vật vào móc cân.

Bước 5. Đọc và ghi kết quả mỗi lần đo theo vạch chia gần nhất với đầu kim của cân.

II. Bài tập vận dụng

Các em hãy hoàn thành phiếu học tập sau

▼ **Bảng 5.2. Kết quả đo khối lượng**

Vật cần đo	Khối lượng ước lượng (g)	Chọn dụng cụ đo khối lượng			Kết quả đo (g)			
		Tên dụng cụ đo	GHĐ	ĐCNN	Lần 1: m_1	Lần 2: m_2	Lần 3: m_3	$m = \frac{(m_1 + m_2 + m_3)}{3}$
Viên bi sắt	?	?	?	?	?	?	?	?
Cặp sách	?	?	?	?	?	?	?	?

5. MÔN HÓA HỌC 6 – TUẦN 4
(GV chưa gửi)

6. MÔN SINH HỌC 6 – TUẦN 4
CHỦ ĐỀ 7: TỪ TẾ BÀO ĐẾN CƠ THỂ

Bài 19: CƠ THỂ ĐƠN BÀO VÀ CƠ THỂ ĐA BÀO

A. Nội dung bài học:

1. Cơ thể đơn bào:

+/ **Đặc điểm cấu tạo cơ thể Trùng roi:**

- Cấu tạo từ 1 tế bào.
- Màng tế bào bao bên ngoài.
- Bên trong: Chất tế bào, chứa nhân tế bào và bào quan.
- Kích thước nhỏ.

+/ **Cơ thể đơn bào:**

- Là cơ thể được cấu tạo từ một tế bào. Tế bào đó thực hiện được các chức năng của một cơ thể sống.
- VD: Trùng giày, trùng roi, trùng biến hình, tảo lục, tảo silic; vi khuẩn E. coli, vi khuẩn lao....

2. Cơ thể đa bào:

+/ **Đặc điểm cấu tạo cơ thể TV, ĐV:**

NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 6 - TUẦN 4

- Cơ thể TV, ĐV được cấu tạo từ nhiều loại tế bào khác nhau. VD: Tế bào biểu bì (bảo vệ), tế bào mạch dẫn thân (dẫn nước và các chất hòa tan), tế bào lông hút rễ (hút nước và chất khoáng hòa tan), tế bào thần kinh (truyền tín hiệu)...

- Kích thước lớn.

+/ **Cơ thể đa bào:**

- Là cơ thể được cấu tạo từ nhiều tế bào thực hiện các chức năng khác nhau trong cơ thể. Cơ thể TV được cấu tạo từ một số loại tế bào: Tế bào biểu bì, tế bào mạch dẫn, tế bào lông hút... Cơ thể ĐV được cấu tạo từ một số loại tế bào: Tế bào biểu bì, tế bào cơ, tế bào thần kinh...

- VD: Cây phượng, cây hoa hồng, con giun đất, con ếch đồng....

B. Luyện tập:

- Học bài theo nội dung ghi.

- Xem trước bài 20: Các cấp độ tổ chức trong cơ thể đa bào.

7. MÔN LỊCH SỬ 6 – TUẦN 4

BÀI 4: XÃ HỘI NGUYÊN THỦY

3. Đời sống tinh thần của người nguyên thủy

- Đời sống tinh thần của người nguyên thủy phong phú, tiến bộ, thể hiện ở điểm:

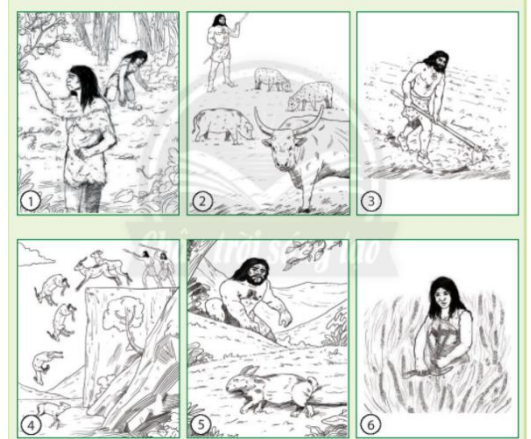
+ Đã có tục chôn cất người chết. Nhiều mộ táng có chôn theo cả công cụ lao động.

+ Đã biết sử dụng đồ trang sức, biết dùng màu, vẽ lên người để hoá trang hay làm đẹp.

+ Đặc biệt, họ đã biết quan sát cuộc sống xung quanh và thể hiện ra bằng hình ảnh.

*** BÀI TẬP**

- **Câu 1:** Theo em, lao động có vai trò như thế nào đối với bản thân, gia đình và xã hội ngày nay?
- **Câu 2:** Vận dụng kiến thức trong bài học, em hãy sắp xếp các bức vẽ minh họa đời sống lao động của người nguyên thủy bên dưới theo hai chủ đề:
 - Chủ đề 1 - Cách thức lao động của Người tối cổ.
 - Chủ đề 2 - Cách thức lao động của Người tinh khôn.



TUẦN 4- TIẾT 8

BÀI 5: SỰ CHUYỂN BIẾN TỪ XÃ HỘI NGUYÊN THỦY SANG XÃ HỘI CÓ GIAI CẤP (Tiết 1)

1. Sự xuất hiện của công cụ lao động bằng kim loại

- Kim loại được con người tình cờ phát hiện ra khi khai thác đá vào khoảng thiên niên kỉ IV TCN.

- Đồng có sẵn trong tự nhiên, là đồng đỏ. Việc biết sử dụng lửa và làm đồ gốm dẫn đến việc luyện ra đồng thau, sắt.

- Điểm khác biệt giữa công và vật dụng bằng kim loại và công cụ bằng đá: công cụ và vật dụng bằng kim loại phong phú, đa dạng, hiệu quả hơn nhiều so với công cụ và vật dụng bằng đá (rìu tay, rìu mài lưỡi có tra cán, mũi tên bằng cây, lưỡi cày bằng gỗ).

2. Sự chuyển biến trong xã hội nguyên thủy

- Nguyên nhân dẫn đến sự phân hoá xã hội thành người giàu và người nghèo: con người đã tạo ra được một lượng sản phẩm dư thừa từ công cụ lao động bằng kim loại. Số sản phẩm dư thừa đó thuộc về một số người.

NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 6 - TUẦN 4

- Môi quan hệ giữa người với người trong xã hội có phân hoá giàu, nghèo: quan hệ bình đẳng được thay thế bằng quan hệ bất bình đẳng, xuất hiện giai cấp thống trị (người giàu), giai cấp bị trị (người nghèo).

8. MÔN ĐỊA LÝ 6 – TUẦN 4

Bài 2. KÍ HIỆU VÀ CHÚ GIẢI TRÊN MỘT SỐ BẢN ĐỒ THÔNG DỤNG

1: KÍ HIỆU BẢN ĐỒ VÀ CHÚ GIẢI

- Kí hiệu bản đồ là những hình vẽ, màu sắc, chữ viết... mang tính qui ước dùng để thể hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ
- Kí hiệu bản đồ giúp người đọc phân biệt được sự khác nhau của các thông tin thể hiện trên bản đồ.
- Ý nghĩa của kí hiệu được giải thích rõ ràng trong bảng chú giải

Bài tập về nhà:

Bài tập 1:

Dựa vào hình 2.2 và hình 2.3 em hãy:

- *Xác định vị trí và độ cao của đỉnh núi Ê-vơ-rét (Everest), vị trí và độ sâu của vực biển Ma-ri-a-na (Mariana).*
- *Tìm dãy núi Rốc-ki (Rocky).*
- *Hãy xác định vị trí của sân bay Nội Bài.*

Bài tập 2: Trong các yếu tố địa lí sau được thể hiện trên bản đồ, yếu tố nào sử dụng kí hiệu điểm, yếu tố nào sử dụng kí hiệu đường?

- Đường biên giới, ranh giới, sông ngòi, đường ô tô...
- Mỏ than đá, dầu mỏ, sắt, đồng...

Bài tập 3: Chú giải có ý nghĩa gì đối với bản đồ?

- A. Làm cho bản đồ trở nên sinh động
- B. Giải thích cho các kí hiệu được thể hiện trên bản đồ
- C. Bảng chú giải của bản đồ giúp chúng ta hiểu nội dung và ý nghĩa của các kí hiệu dùng trên bản đồ.
- D. Bảng chú giải giúp ta hiểu được màu sắc trên bản đồ thể hiện được kiến thức địa lí nào được thể hiện trên bản đồ.

Bài tập 4:

Tự làm các kí hiệu điểm, hình học, chữ bằng bìa cứng, bìa màu (Mỗi loại kí hiệu làm khoảng 3-5 kí hiệu)

9. MÔN CÔNG NGHỆ 6 – TUẦN 4

BÀI 2. XÂY DỰNG NHÀ Ở

II. CÁC BƯỚC CHÍNH XÂY DỰNG NHÀ Ở:

1. Thiết kế:

Thiết kế là bước chuẩn bị quan trọng trước khi nhà được thi công. Thông qua thiết kế người kỹ sư sẽ giúp chủ nhà hình dung được ngôi nhà của mình sau khi xây dựng đảm bảo các yếu tố kỹ thuật để ngôi nhà vững chắc.

2. Thi công thô:

Bước hình thành khung cho mỗi ngôi nhà. Thi công thô tốt sẽ giúp các bước hoàn thiện sau này được tiện lợi và tiết kiệm chi phí.

3. Hoàn thiện:

Công đoạn góp phần tạo nên không gian sống với đầy đủ công năng sử dụng và tính thẩm mỹ của ngôi nhà.

10. MÔN GD CD 6 – TUẦN 4

BÀI 2: YÊU THƯƠNG CON NGƯỜI (3 tiết)

Nội dung bài học

2. Giá trị của tình yêu thương con người.

- Tình yêu thương con người mang lại niềm vui, sự tin tưởng vào bản thân và cuộc sống; giúp con người có thêm sức mạnh vượt qua khó khăn, hoạn nạn; làm cho mối quan hệ giữa con người với con người thêm gần gũi, gắn bó; góp phần xây dựng cộng đồng an toàn, lành mạnh và tốt đẹp hơn.

- Người biết yêu thương con người sẽ được mọi người yêu quý và kính trọng. Yêu thương con người là truyền thống quý báu của dân tộc, cần được giữ gìn và phát huy

11. MÔN TIN HỌC 6 – TUẦN 4

Bài 3. THÔNG TIN TRONG MÁY TÍNH

I. Kiến thức cơ bản

1. Biểu diễn thông tin trong máy tính

- Thông tin được biểu diễn trong máy tính bằng dãy các bit. Mỗi bit là một kí hiệu 0 hoặc 1, hay còn gọi là chữ số nhị phân.

Ví dụ: 01100001



Hình 1.5. Biểu diễn âm thanh nốt La thành dãy bit

- Bit là đơn vị nhỏ nhất trong lưu trữ thông tin.

II. Bài tập vận dụng

Bài tập 1. Dãy bit là gì?

- A. Là dãy những kí hiệu 0 và 1.
- B. Là âm thanh phát ra từ máy tính.
- C. Là một dãy chỉ gồm chữ số 2.
- D. Là dãy những chữ số từ 0 đến 9.

Bài tập 2. Máy tính sử dụng dãy bit để làm gì?

- A. Biểu diễn các số.
- B. Biểu diễn văn bản.
- C. Biểu diễn hình ảnh, âm thanh.
- D. Biểu diễn số, văn bản, hình ảnh, âm thanh.

12. MÔN ÂM NHẠC 6 – TUẦN 4

TIẾT 4 VẬN DỤNG SÁNG TẠO

CHỦ ĐỀ 1 TUỔI HỌC TRÒ

NỘI DUNG BÀI HỌC

HS ôn lại những kiến thức đã học và tham gia vào các hoạt động thực hành

HS quan sát ,đọc nhạc trong SGK và chỉ ra 4 thuộc tính của âm thanh .

13. MÔN MỸ THUẬT 6 – TUẦN 4

Bài 2: TRANH TĨNH VẬT MÀU (Tiết 2)

(Nội dung mỹ thuật tạo hình)

HS nhắc lại kiến thức trọng tâm ở tiết trước của bài học: cách vẽ tranh tĩnh vật màu (các bước vẽ tranh tiết 1)

I. Vẽ tranh tĩnh vật màu:

Thực hiện vẽ tranh tĩnh vật màu theo ý thích.

II. Trung bày sản phẩm và chia sẻ:

- Tổ chức trưng bày sản phẩm của cá nhân /của nhóm.
- Phân tích và chia sẻ cảm nhận về màu, đậm nhạt trong bài vẽ tĩnh vật màu.

III. Ứng dụng với tranh tĩnh vật hoa quả:

HS đưa ra những ý tưởng về ứng dụng tranh tĩnh vật hoa quả (bài vẽ của mình) trong cuộc sống.

14. MÔN THỂ DỤC 6 – TUẦN 4

CHỦ ĐỀ 1: CHẠY CỰ LI NGẮN (60m)

BÀI 2: CHẠY GIỮA QUÃNG

(Thời lượng: 2 tiết)

NỘI DUNG:

- Làm quen với nội dung và yêu cầu của giai đoạn chạy giữa quãng trên đường thẳng.

NỘI DUNG BÀI HỌC

1. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:

*Nội dung :

Hoạt động 2: Thở trong tập luyện chạy cự li ngắn

a. Mục tiêu: HS biết cách thở trong luyện tập chạy cự li ngắn

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi, tập theo hiệu lệnh.

2. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP:

Thở trong tập luyện chạy cự li ngắn

- Trong khi chạy: Hít vào, thở ra nhanh, mạnh bằng cả mũi và miệng.
- Sau khi chạy: Hít thở sâu, kết hợp thả lỏng tay, chân và thân mình.

3. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG:

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.

CHỦ ĐỀ 3: CHẠY CỰ LI TRUNG BÌNH

BÀI 2: CHẠY GIỮA QUÃNG TRÊN ĐƯỜNG THẲNG, ĐƯỜNG VÒNG

(Thời lượng: 3 tiết)

NỘI DUNG:

Hoạt động 2: Kỹ thuật chạy giữa quãng trên đường vòng

a. Mục tiêu: biết được kỹ thuật chạy giữa quãng trên đường vòng

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi, tập theo hiệu lệnh.

NỘI DUNG BÀI HỌC

1. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:

- GV sử dụng hình ảnh trực quan, động tác mẫu giới thiệu cấu trúc, yêu cầu và cách thức thực hiện động tác chạy giữa quãng trên đường thẳng.
- GV hướng dẫn đồng loạt HS thực hiện các động tác bổ trợ theo động tác mẫu của GV.
- GV chỉ dẫn một số sai sót đơn giản thường gặp trong luyện tập.

NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 6 - TUẦN 4

2. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP:

2. Kỹ thuật chạy giữa quãng trên đường vòng

- Chạy trên đường vòng được thực hiện theo hướng ngược chiều kim đồng hồ.
- Tư thế thân người: Thân trên hơi nghiêng sang trái, hướng về tâm của đường vòng.
- Động tác tay: Tay phải luôn chuyển động với biên độ rộng hơn tay trái.
- Động tác chân: Khi tiếp đất, bàn chân phải hơi xoay vào trong.

3. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG:

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.